

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Toán học; Chuyên ngành: Lý thuyết tối ưu

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Văn Lương

2. Ngày tháng năm sinh: 20/12/1984; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Thôn Đô Mỹ, xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Nguyễn Văn Lương, Khoa Khoa học Tự nhiên, Trường Đại học Hồng Đức, 565 Quang Trung, Phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa.

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0968151236;

E-mail: nguyenvanluong@hdu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 10,2008 đến tháng, năm 10,2009: Giảng viên thử việc tại Trường Đại học Hồng Đức

Từ tháng, năm 10,2009 đến tháng, năm 06,2022: Giảng viên tại Trường Đại học Hồng Đức

Chức vụ hiện nay: Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Giảng viên

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Hồng Đức

Địa chỉ cơ quan: 565 Quang Trung, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Điện thoại cơ quan: 02373910222

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 08 tháng 08 năm 2007, số văn bằng: A0032796, ngành: Sư phạm Toán, chuyên ngành: Toán học; Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học Hồng Đức, Việt Nam

- Được cấp bằng TS [5] ngày 24 tháng 09 năm 2014, số văn bằng: 150719.F1.175033, ngành: Khoa học Toán học,

chuyên ngành: Toán học; Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Trường Đại học tổng hợp Padova, Italia

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Hồng Đức

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Toán học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Các hướng nghiên cứu chủ yếu thuộc lĩnh vực lý thuyết tối ưu, bao gồm:

- Lý thuyết điểm bất động và ứng dụng.
- Bài toán tối ưu thời gian và các vấn đề liên quan.
- Bài toán bất đẳng thức biến phân và các vấn đề liên quan.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 9 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 2 cấp Cơ sở;

- Đã công bố (số lượng) 27 bài báo khoa học, trong đó 26 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 1, trong đó 1 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Bằng khen vì có Sinh viên đạt giải Ba kỳ thi Olympic Toán học sinh viên toàn quốc	Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa	2017
2	Bằng khen vì có Sinh viên đạt giải Ba kỳ thi Olympic Toán học sinh viên toàn quốc	Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa	2018

3	Chứng nhận Hướng dẫn sinh viên đạt giải Nhì, sinh viên nghiên cứu khoa học cấp bộ	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2018
4	Giấy khen đạt thành tích xuất sắc trong hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp trường	2018
5	Giấy khen đạt thành tích xuất sắc trong hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp trường	2019
6	Giấy khen đạt thành tích xuất sắc trong hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp trường	2020
7	Giấy khen đạt thành tích xuất sắc trong hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp trường	2021
8	Giải thưởng công trình toán học. Chương trình trọng điểm Quốc gia phát triển Toán học giai đoạn 2010 - 2020	Viện nghiên cứu cao cấp về toán, Bộ giáo dục và Đào tạo	2018
9	Giải thưởng công trình toán học. Chương trình trọng điểm Quốc gia phát triển Toán học giai đoạn 2010 - 2020	Viện nghiên cứu cao cấp về toán, Bộ giáo dục và Đào tạo	2020
10	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Cấp trường	2019
11	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Cấp trường	2020
12	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Cấp trường	2021

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
----	-------------	-------------------	---------------	-------------------

Không có

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn của nhà giáo. Luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và nghiêm cứu khoa học và các nhiệm vụ được giao tại đơn vị. Luôn đoàn kết, hòa nhã với đồng nghiệp, tận tình giúp đỡ, chỉ bảo sinh viên và học viên cao học.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 12 năm 08 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2016 - 2017						168	168/259.24/270
2	2017 - 2018			3	2	63	42	105/334.7/270
3	2018 - 2019					147	105	252/321.12/270
03 năm học cuối								
4	2019 - 2020			4		126	168	294/448.17/270
5	2020 - 2021			2		228	189	417/467.95/250
6	2021 - 2022			2	1	333	147	480/490.52/250

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Italia năm 2014

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☒:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Hồng Đức, Việt Nam

d) Đối tượng khác ☒; Diễn giải: Nghiên cứu sau tiến sĩ 02 năm (2014 - 2016) tại Viện Toán học, Viện hàn lâm khoa học Ba Lan; tham gia nghiên cứu ngắn hạn các năm 2018 và 2019 tại Trung Quốc.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Không

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Trần Thị Hương		X	X		12/2017 đến 06/2018	Trường Đại học Hồng Đức	27/12/2018
2	Đoàn Thị Phúc		X	X		12/2017 đến 06/2018	Trường Đại học Hồng Đức	27/12/2018

3	Nguyễn Thị Ngọc Trâm		X	X		02/2019 đến 08/2019	Trường Đại học Hong Đức	28/02/2020
4	Hà Thị Phúc		X	X		12/2017 đến 06/2018	Trường Đại học Hong Đức	27/04/2020
5	Lê Thị Nga		X	X		01/2020 đến 06/2020	Trường Đại học Hong Đức	07/10/2020
6	Hồ Thị Minh		X	X		01/2020 đến 06/2020	Trường Đại học Hong Đức	07/10/2020
7	Hoàng Thị Quỳnh		X	X		01/2020 đến 06/2020	Trường Đại học Hong Đức	07/10/2020
8	Văn Thị Trang		X	X		12/2020 đến 05/2021	Trường Đại học Hong Đức	04/10/2021

9	Nguyễn Thị Thu Hương		X	X		12/2020 đến 05/2021	Trưởng Đại học Hong Đức	04/10/2021
---	----------------------	--	---	---	--	------------------------	-------------------------------------	------------

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ							
1	Optimal Control: Novel Directions and Applications - Chương sách: Optimality Conditions (in Pontryagin Form)	CK	Springer, năm 2017	9	VC	(18-32)	

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Xếp loại KQ
----	--	-----------	----------------------	---------------------	---

Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Dưới vi phân Fréchet của hàm cực tiểu thời gian ứng với bao hàm thức vi phân	CN	ĐT-2019-19, cấp Cơ sở	29/11/2019 đến 22/04/2020	Ngày 07 tháng 5 năm 2020/Xuất sắc
2	Hàm cực tiểu thời gian ứng với một họ các tập hợp trong không gian định chuẩn	CN	ĐT-2020-01, cấp Cơ sở	25/11/2020 đến 21/01/2022	Ngày 17 tháng 3 năm 2022/Xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Coupled fixed points in partially ordered metric spaces and application	2	Có	Nonlinear Analysis: Theory, Methods & Applications	X - SCI IF: 1.536	350	74, 3, 983-992	02/2011

2	Coupled fixed point theorems for mixed monotone mappings and an application to integral equations	2	Có	Computers & Mathematics with Applications	X - SCI <i>IF: 1.747</i>	36	62, 11, 4238-4248	12/2011
3	Coupled fixed point theorems in partially ordered G-metric spaces	2	Có	Mathematical and Computer Modelling	X - SCI <i>IF: 1.42</i>	25	55, 3, 1601-1609	02/2012
4	Quadruple fixed point theorems for nonlinear contractions	2	Không	Computers & Mathematics with Applications	X - SCI <i>IF: 2.069</i>	130	66, 6, 1839–1848	09/2012
5	Remarks on coupled fixed point theorems in cone metric spaces	3	Có	Matematički Vesnik	X - Scopus	2	65, 1, 122–136	03/2013
6	A coupled coincidence point theorem in partially ordered metric spaces	4	Không	Kragujevac Journal of Mathematics	X - Scopus	3	37, 1, 103 - 119	03/2013

7	Coupled points in ordered generalized metric spaces and application to integro-differential equations	2	Có	Analele Universitatii "Ovidius" Constanta - Seria Matematica	X - SCIE <i>IF: 0.23</i>	19	21, 3, 155-180	11/2013
8	Non-Lipschitz points and the SBV regularity of the minimum time function	3	Không	Calculus of Variations and Partial Differential Equations	X - SCI <i>IF: 1.518</i>	1	51, 439-463	09/2014
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
9	Local regularity of the minimum time function	2	Không	Journal of Optimization Theory and Applications	X - SCI <i>IF: 1.16</i>	3	164, 1, 68 - 91	01/2015
10	A note on optimality conditions for optimal exit time problems	1	Có	Mathematical Control & Related Fields	X - SCIE <i>IF: 0.756</i>		5, 2, 291-303	06/2015
11	Differentiability properties of the minimum time function for normal linear systems	2	Không	Journal of Mathematical Analysis and Applications	X - SCI <i>IF: 1.014</i>		429, 1, 143-174	09/2015

12	Variational analysis and regularity of the minimum time function for differential inclusions	1	Có	SIAM Journal on Control and Optimization	X - SCI IF: 1.45		54, 5, 2235- 2258	09/2016
13	Variational Analysis for the Bilateral Minimal Time Function	1	Có	Journal of Convex Analysis	X - SCIE IF: 0.627		24, 3, 1029- 1050	09/2017
14	Finite convergence analysis and weak sharp solutions for variational inequalities	3	Không	Optimization Letters	X - SCIE IF: 1.013	8	11, 1647- 1662	12/2017
15	Weak Sharp Solutions for Nonsmooth Variational Inequalities	3	Không	Journal of Optimization Theory and Applications	X - SCI IF: 1.234	2	175, 683 - 701	12/2017
16	Some fixed point theorems for multivalued mappings concerning F-contractions	4	Có	Journal of Fixed Point Theory and Applications	X - SCIE IF: 1.253	4	20, 4, 13pp	09/2018

17	Fixed point results with applications to involution mappings	2	Có	Journal of Nonlinear and Variational Analysis	X - SCIE	8	4, 3, 415-426	12/2020
18	Weak sharpness for solutions of nonsmooth variational inequalities and applications	2	Có	Carpathian Journal of Mathematics	X - SCIE IF: 1.438		36, 1, 109-117	03/2020
19	Some results on strongly pseudomonotone quasi-variational inequalities	2	Có	Set-Valued and Variational Analysis	X - SCIE IF: 1.476	28	28, 2, 239-257	06/2020
20	Linear conditioning, weak sharpness and finite convergence for equilibrium problems	3	Có	Journal of Global Optimization	X - SCIE IF: 1.805	8	77, 2, 405-424	06/2020
21	On variational analysis for general distance functions	2	Có	Journal of Applied and Numerical Optimization	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		2, 2, 199-211	08/2020

22	The minimal time function associated with a collection of sets	2	Có	ESAIM: Control, Optimisation and Calculus of Variations	X - SCIE IF: 1.181	12	26, 35 pages	12/2020
23	Fixed point theorem for set-valued mappings with new type of inequalities	2	Có	Asian-European Journal of Mathematics	X - Scopus		14, 2, 12 pages	02/2021
24	Weak sharpness and finite termination for variational inequalities on Hadamard manifolds	1	Có	Optimization	X - SCIE IF: 1.52	1	70, 7, 1443-1458	07/2021
25	Weak sharpness and finite convergence for solutions of nonsmooth variational inequalities in Hilbert spaces	3	Có	Applied Mathematics and Optimization	X - SCIE IF: 2.369	13	84, 1, 807–828	08/2021

26	On fixed points of asymptotically regular mappings	1	Có	Rendiconti del Circolo Matematico di Palermo Series 2	X - Scopus	7	70, 2, 709 - 719	08/2021
27	An existence result for strongly pseudomonotone quasi-variational inequalities	1	Có	Ricerche di Matematica	X - SCIE <i>IF: 1.034</i>	1	Online first	05/2021

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UỶ là tác giả chính sau PGS/TS: 14 ([10] [12] [13] [16] [17] [18] [19] [20] [22] [23] [24] [25] [26] [27])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UỶ là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
1	Đại học sư phạm Toán học chất lượng cao	Tham gia	711/QĐ-ĐHHĐ, ngày 28/4/2021	Trường Đại học Hồng Đức	1698/QĐ-ĐHHĐ, ngày 01/9/2021	Tham gia soạn thảo, cải tiến chương trình
2	Đại học sư phạm Toán học	Tham gia	711/QĐ-ĐHHĐ, ngày 28/4/2021	Trường Đại học Hồng Đức	1699/QĐ-ĐHHĐ, ngày 01/2/2021	Tham gia soạn thảo, cải tiến chương trình

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): 2017 - 2018/30

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): 2016 - 2017/10.76

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

thị trấn Thanh Hóa, ngày 30 tháng 06 năm 2022

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)

